

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIỆM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tổ Vân

Thời gian: 07/04/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 8

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật.

Mời xem kinh văn tiếp theo.

Nguyện ở vô lượng thế giới thành Đẳng chánh giác. Rời Đâu-suất, giảng sanh vào vương cung, bỏ ngôi vị mà xuất gia, khổ hạnh học đạo. Thị hiện như thế để thuận theo thế gian, dùng sức định tuệ hàng phục ma oán, đặc pháp vi diệu, thành bậc tối Chánh giác. Người trời quy ngưỡng, thỉnh chuyển pháp luân.

“Nguyện ở vô lượng thế giới thành Đẳng chánh giác.”

Câu này nêu rõ Bồ-tát trong hội vì độ chúng sanh mà nguyện đến vô lượng thế giới mười phương thị hiện thành Phật.

Phẩm Phổ Môn nói: “Đáng dùng thân Phật để độ liên hiện thân Phật để thuyết pháp”. “Nguyện” là chỉ cho thế nguyện. Trong Pháp Quạt nói: có sự mong cầu đối với đạo xuất thế thì gọi là “nguyện”. “Thế giới”, “thế” là chỉ thời gian, biểu thị ba đời; “giới” là chỉ không gian, biểu thị mười phương.

“Đẳng chánh giác”, trước đây dịch là “Đẳng giác”.

“Đẳng giác” có hai hàm nghĩa:

1. Vị trí cao nhất của Bồ-tát. Sắp sửa đạt được Phật quả Diệu giác nên gọi là “Đẳng giác”. Công đức trí tuệ của các ngài tương đương, tương tự với Diệu giác Phật. Các ngài là trăng 14, vẫn kém một phần so với trăng rằm, thế nhưng cũng hết sức giống rồi.

2. Đẳng giác chính là Phật. Trong Vãng Sanh Luận Chú nói: các pháp bình đẳng, chư Như Lai bình đẳng, cho nên gọi là Đẳng giác. “Đẳng giác” mà kinh này nói là chỉ cho Phật. Bồ-tát trong hội đến mười phương thị hiện thành Phật.

“Rời Đâu-suất, giảng sanh vào vương cung” cho đến “mà thị hiện diệt độ” gọi là tám tướng thành đạo. Đây là cách thức thông thường mà Thích-ca Mâu-ni Phật và tất cả chư Phật thị hiện thành đạo. Đại sư Gia Tường nói: “rời Đâu-suất” là tướng thứ nhất, “giảng sanh vào vương cung” là tướng thứ hai và tướng thứ ba, “bỏ ngôi vị mà xuất gia, khổ hạnh học đạo” là tướng thứ tư, “hàng phục ma oán” là tướng thứ năm, “thành bậc tối Chánh giác” là tướng thứ sáu, “người trời quy ngưỡng” cho đến “hiển thị Tam thừa” đoạn lớn này là tướng thứ bảy, “đối với hàng trung hạ căn mà thị hiện diệt độ” là tướng thứ tám. Bồ-tát trong hội phải đến vô lượng thế giới thị hiện thành Phật với tám tướng thành đạo.

“Rời Đâu-suất.”

Đây là tướng thứ nhất, biểu thị giảng sanh từ trời Đâu-suất. Trong Phật Địa Luận Độ Ngũ nói: trời Đâu-suất có các Bồ-tát Nhất sanh bồ xứ giáo hóa ở nơi đây, tương lai tất cả Đại sĩ bồ xứ đều giảng sanh từ cõi trời này, thị hiện tám tướng thành Phật. Đâu-suất là tầng trời thứ tư của Dục giới, cõi trời này có nội viện Đâu-suất, Đại sĩ Di-lặc thuyết pháp ở đây.

“Giảng sanh vào vương cung.”

Đây là tướng thứ hai và thứ ba, biểu thị ý nghĩa gá thai và ra đời.

Trong kinh Nhân Quả nói: Phu nhân Ma-da nhìn thấy Bồ-tát cưỡi voi trắng sáu ngà từ không trung đến, tiến vào thân của bà từ hông bên phải, từ bên ngoài bụng vẫn có thể nhìn thấy tình hình của Bồ-tát ở trong bụng.

Trong kinh Niết-bàn nói: Phật là từ mẹ Ma-da mà sanh, sau khi chào đời liền đi bảy bước, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất, nói: “Trên trời dưới trời, chỉ ta là tôn quý nhất”. Chữ “ta” ở đây không phải là tướng ngã, mà chính là chân ngã lìa tướng.

Trong Tịnh Ảnh Sớ nói: Phật đi vòng quanh mười phương trong bảy bước, biểu thị sức phấn chấn nhanh nhẹn của đại trượng phu. Có người nói xuất gia là hành vi tiêu cực, thực ra xuất gia là việc làm của đại trượng phu, là đại anh hùng thực sự.

“Bỏ ngôi vị mà xuất gia, khổ hạnh học đạo.”

Đây là tướng thứ tư, biểu thị ý nghĩa xuất gia.

Trong bản dịch thời Ngụy nói: Thích-ca Mâu-ni Phật sau khi nhìn thấy người già, người bệnh, người chết nên quyết định xuất gia. Phật xả bỏ quyền thuộc, cưỡi ngựa trắng vượt thành ra ngoài. Sau khi Phật xuất gia, ở dưới cây tu khổ hạnh sáu năm, mỗi ngày ăn một hạt mè, một hạt lúa mạch. Chúng ta thấy hình vẽ Thích-ca Mâu-ni Phật lúc khổ hạnh, một người ngồi ngay ngắn, giống một bộ xương được bọc lớp da bên ngoài, đó chính là hình ảnh thái tử khổ hạnh học đạo.

“Thị hiện như thế để thuận theo thế gian.”

Ở trên nói giảng sanh vào cung vua, xuất gia tu đạo v.v. đều vì thuận theo thế gian mà làm ra thị hiện.

Trong phẩm Thọ Lượng của kinh Pháp Hoa, Phật nói: Vì ta thấy chúng sanh trí đức rất mỏng, cấu chướng rất nặng, thích pháp Tiểu thừa, đối với pháp Đại thừa không thể tiếp nhận, vì những người này, ta bèn thị hiện tuổi trẻ xuất gia, sau đó thành Phật. Thực ra, vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp về trước, ta đã thành Phật từ lâu, đều vẫn dùng pháp phương tiện để giáo hóa chúng sanh, khiến vào Phật đạo. Vì để giáo hóa, chỉ có cách thị hiện vừa mới thành Phật.

“Dùng sức định tuệ hàng phục ma oán.”

Đây là tướng thứ năm, biểu thị ý nghĩa hàng ma.

“Oán” là chỉ cho kẻ oán.

“Ma” là cách nói tắt của Ma-ra, dịch là “chướng ngại”, ma có thể làm chướng ngại người tu đạo. Còn dịch thành “kẻ giết người”, ma có thể phá hoại người hành thiện, khiến người buông thả, đoạn huệ mạng của người. Còn dịch thành “kẻ xấu”, vì ma có rất nhiều ái dục. Trong Tịnh Ảnh Sớ nói có bốn loại ma:

1. Phiền não ma. Các phiền não tham, sân, v.v. đều là ma.
2. Ám ma. Sắc thọ tưởng hành thức đều là ma.
3. Tử ma. Phá hoại mạng căn của người.
4. Thiên ma. Chuyên phá hoại người hành thiện. Ma rất lợi hại, không mong muốn người tu hành thành công, sợ thế lực của mình bị thu nhỏ. Ma mà kinh này nói là: thiên ma.

“Dùng sức định tuệ”. Trong Bà-sa Luận nói: khi Bồ-tát ngồi dưới cây, ma đã hiện rất nhiều mỹ nữ đến dụ hoặc ngài, song những ma nữ này vừa đến trước mặt Bồ-tát thì tự nhiên trở nên hết sức xấu xí, nhan sắc diễm lệ, đáng vẻ quyến rũ huyền hóa của họ đều biến mất. Tiếp đó, ma quân lại dùng vũ lực uy hiếp, bắn tên ném đá, dùng đủ loại vũ khí để bức hại. Sau khi Bồ-tát nhận thấy liền lập tức nhập định, những gây gộc này đến trước thân Phật tự nhiên đứng yên trên không, mũi nhọn biến thành hoa sen.

Đại Trí Độ Luận nói: “Sức trí tuệ của Bồ-tát đã phá tan quân ma.” Ma hết đường thi thố đành thất bại rút lui. Thế nên ma vương hỏi Phật: “Ngài có công đức gì mà có bản lĩnh lớn đến như vậy?” Phật nói: “Địa thần biết”. Địa thần nói: “Trên địa cầu này không có mảnh đất nào không phải là nơi mà Bồ-tát đã đổ máu xả mạng vì chúng sanh.” Có thể thấy, Bồ-tát không dùng thần thông để chiến thắng ma quân, mà dùng sức định tuệ để hàng phục ma oán.

“Đắc pháp vi diệu, thành bậc tối Chánh giác.”

Đây là tướng thứ sáu, biểu thị ý nghĩa thành đạo.

Trong kinh Duy-ma-cật nói: vi diệu chính là bồ-đề. Bồ-đề chính là lý thể thực tế, là tự tánh của hành giả và tri kiến của Phật. Điều này ngôn ngữ và tâm phân biệt chẳng thể biết được.

Tịnh Ảnh Sớ nói: “diệu pháp” chính là lý thể. Vì đã hiện rõ bản thể, do đó thành tựu Chánh giác. “Đắc pháp vi diệu” tức là đã chứng được lý thể, vào tri kiến Phật, sau cùng đạt được quả bồ-đề. Đây chính là đã thành đạo. “*Thành bậc tối Chánh giác*”, tôn vinh sự giác ngộ của Phật là vô thượng viên mãn rốt ráo, cho nên gọi là “tối”. Trong Thích-ca Phổ nói: đắc đạo chân chánh vô thượng, cho nên gọi là “tối Chánh giác”. “Thành bậc tối Chánh giác” cũng chính là rốt ráo thành Phật.

“Người trời quy ngưỡng, thỉnh chuyển pháp luân.”

Đây là tướng thứ bảy, biểu thị ý nghĩa chuyển bánh xe pháp.

Phật xuất hiện ở đời là đại sự nhân duyên, nhân duyên này chủ yếu nhất là độ chúng sanh, muốn khai tri kiến Phật, chỉ bày tri kiến Phật. Thế nên trong tám tướng thành đạo, chuyển pháp luân là then chốt. Những đại Bồ-tát này đến mười phương thế giới thị hiện tám tướng thành đạo chính là để chuyển bánh xe diệu pháp ở mười phương thế giới. Do vậy nội dung của đoạn này là dài nhất. Từ “người trời quy

ngưỡng, thỉnh chuyển pháp luân” cho đến “hiển thị Tam thừa” đều là nội dung của tướng thứ bảy.

“Người trời” là chỉ cho người sanh trong các cõi trời Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. “Quy ngưỡng”, “quy” là chỉ cho quay về nương tựa, “ngưỡng” là ngưỡng mộ. Người trời đều cung kính quy y Thế tôn, thỉnh Phật chuyển bánh xe pháp.

Trong Đại Trí Độ Luận nói: Thích-ca Mâu-ni Phật sau khi thành Phật, trong 21 ngày đầu nói kinh Hoa Nghiêm ở cung trời, các đệ tử Thanh văn, Duyên giác thừa như điếc như mù, không tài nào lĩnh hội. Mãi cho đến ngày thứ 35, Phật nói: Pháp của ta rất sâu, khó hiểu khó biết. Ngay cả các đệ tử A-la-hán như vậy mà còn không hiểu thì những chúng sanh thông thường đều bị pháp thế gian trói buộc dính mắc, lại càng không thể biết, chỉ bằng nhập niết-bàn cho rồi. Lúc đó, các Bồ-tát và người trời đều cung kính chấp tay ở trước Phật, thỉnh cầu Thích-ca Mâu-ni Phật chuyển pháp luân cho chúng sanh, Phật đã im lặng nhận lời, trước tiên nói pháp Tiểu thừa. Trong kinh Hoa Nghiêm cũng có ghi chép tương tự.

“Chuyển pháp luân”. “Pháp luân” là chỉ cho giáo pháp của Phật. Diễn thuyết giáo pháp của Phật thì gọi là “chuyển pháp luân”. “Luân” là chỉ cho luân bảo của Chuyển luân thánh vương, có thể xoay chuyển bốn thiên hạ, đánh đổ hết thầy ma địch. Dùng điều này để ví dụ cho giáo pháp của Phật, có thể xoay chuyển tất cả chúng sanh giới, phá trừ tất cả phiền não. Pháp Hoa Văn Cú nói: trong tâm chư Phật có pháp độ hóa chúng sanh, truyền những pháp này vào trong tâm chúng sanh thì gọi là “chuyển pháp luân”. Nói cách khác, cũng chính là khai tri kiến Phật, chỉ bày tri kiến Phật, khiến chúng sanh ngộ tri kiến Phật, vào tri kiến Phật. Đây chính là hàm nghĩa của từ “chuyển”.

Đại sư Gia Tường nói: từ mình đến đối phương gọi là “chuyển”. “Người trời quy ngưỡng, thỉnh chuyển pháp luân” là duyên khởi của đại giáo. Thế Tôn nhận lời thỉnh cầu, chuyển bánh xe diệu pháp. Tiếp theo chính là nội dung của chuyển pháp luân.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Thường dùng pháp âm giác ngộ các thế gian, phá thành phiền não, lấp hào tham dục, gột sạch cấu uế, hiển minh thanh bạch, điều chúng sanh, tuyên diệu lý, trừ công đức, làm phước điền. Dùng các pháp được cứu chữa ba khổ.

“Thường dùng pháp âm giác ngộ các thế gian.”

Việc thuyết pháp của Thế Tôn và chư Phật được gọi là thuyết pháp trong vi trần, thuyết pháp trong cõi nước, thuyết pháp mạnh mẽ, thuyết pháp không gián đoạn, lúc nói là thuyết pháp, lúc im lặng cũng là đang thuyết pháp, chẳng những hữu tình thuyết pháp mà ngay cả vô tình cũng thuyết pháp. Không được chỉ cho rằng “pháp âm” là Phật Bồ-tát hiện ra thân tướng diễn nói kinh giáo. Nên biết “ý của tổ sư trên đầu trăm cỏ”, trên đầu trăm cỏ là thứ vô tình cũng đang thuyết pháp, đây là giải thích về nghĩa rộng của “pháp âm”.

Thế Tôn tiếp nhận lời thỉnh cầu của Bồ-tát và người trời, rộng giảng giáo pháp trong suốt một đời, trong đó bao gồm các pháp Đại thừa, Tiểu thừa, quyền pháp, thật pháp, thiên viên, những pháp này đều thuộc về chuyển pháp luân.

Do chúng sanh căn cơ khác nhau, trình độ căn cơ chín muồi cũng không giống nhau, cho nên trước nói pháp Tiểu thừa, dần dần hồi Tiểu hướng Đại, quở trách Tiểu thừa là “hạt mầm hư khô héo”, tán thán Đại thừa, nói pháp Đại thừa. Trước nói quyền pháp, làm thế nào chứng A-la-hán, chứng Duyên giác, làm thế nào hành đạo Bồ-tát. Sau nói thật pháp, nói kinh Pháp Hoa, khai quyền hiển thật, mục đích sau cùng toàn bộ đều thành Phật. Pháp Hoa là viên giáo, Tịnh độ tông cũng là viên giáo, Thế tôn nói hết thầy pháp để giác tỉnh tất cả chúng sanh trong tam giới, pháp nào cũng đều là tùy bệnh cho thuốc, hồng khiến chúng sanh giác ngộ.

“Các thế gian” là chỉ tam giới. “Thường dùng pháp âm giác ngộ các thế gian” chính là luôn diễn diệu pháp, khiến khắp thế gian giác ngộ.

“Phá thành phiền não, lập hào tham dục.”

Phiền não là chỉ cho: tham sân si mạn nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới thủ, gọi là mười phiền não. Tông Thiên Thai gọi kiến tư, trần sa, vô minh là ba phiền não. Chúng ta phải phá trừ hết những phiền não này. Thế nào là phiền não? Trong Trí Độ Luận nói: có thể khiến tâm chúng sanh phiền não, rối loạn, tức giận là phiền não, vui mừng cũng là phiền não.

“Phá thành phiền não”, “thành” là chỉ cho thành lũy, bờ lũy. Phật diễn nói diệu âm là để phá sập bờ lũy phiền não trong thân tâm của chúng sanh, trong tâm của mỗi người đều có bờ lũy phiền não, trước tiên phải phá tan bờ lũy này.

“Lấp hào tham dục”, thực dục, sắc dục đều là dục, trong đó sắc dục là nghiêm trọng nhất. Sách Chân Giải nói: ái dục là gốc của các khổ. Tịnh Ảnh Sớ nói: “Tâm ái dục sâu và khó vượt qua”. Phật nói “ái” là đáng sợ nhất, khó hàng phục nhất. Nếu thế gian vẫn còn một việc khó xử lý như ái dục thì tất cả chúng sanh đều không thể thành đạo. Ái dục là cái gốc sanh tử của tất cả chúng sanh. Nếu còn một thứ nào đó khó phá trừ tương đương thì chúng sanh vĩnh viễn không có ngày ngoi đầu lên được. “Dục” giống như dòng nước lũ, “hào” giống như sông đào bảo vệ thành, chúng sanh trôi dạt trong đó, trôi lên hụp xuống, không dễ độ thoát, cho nên gọi là “hào tham dục”. “Lấp hào tham dục” chính là đoạn trừ tâm ái dục.

“Gột sạch cấu uế, hiển minh thanh bạch.”

Gia Tường Sớ nói: tiêu trừ mê hoặc và cấu uế gọi là “gột sạch”. Mười phiền não, ba phiền não nói ở trước đều là mê hoặc và cấu uế cần phải tiêu trừ. Tất cả chúng sanh vốn là Phật, nhưng do một niệm mê vọng liền rơi vào vô minh. Như tấm gương sáng, song mặt gương toàn là cấu bẩn, không thể hiển hiện công dụng chiếu soi vốn có. Thế nên, trước hết phải loại bỏ vết bẩn, đây chính là “gột sạch cấu uế”. Viên thuốc nhuộm màu để trừ cấu bẩn là hiểu được “vô tướng”, đây hoàn toàn không phải là cái thấy biết của các nhà Phật học.

Cổ nhân nói: mở cửa tri giải thì bít mắt cửa ngộ. Kinh Thủ Lăng-nghiêm nói: “Thấy biết lập thêm thấy biết là gốc của vô minh, thấy biết mà không lập thêm, đó là niết-bàn.” Tồn tại cái thấy biết của tướng thấy biết, đây chính là gốc rễ của vô minh. Do vì có cái “ta” có thể biết và nội dung được biết, có năng có sở, cho nên không phải là lìa tướng. Đây khác nào trên mặt gương dính thêm mực bẩn, không phải là trừ bẩn. Phải lìa kiến giải thì mới có thể thông đạt nghĩa chân thật của Như Lai, khôi phục cái sáng suốt vốn có trong tâm của chúng sanh.

Đại sư Gia Tường nói: cái sáng suốt vốn có trong tâm chúng sanh được gọi là sáng suốt vô lậu, “lậu” chính là phiền não. Cái sáng suốt vốn có đã lìa khỏi phiền não và cấu nhiễm được gọi là “thanh bạch”. Tiêu trừ phiền não mê hoặc, dùng trí tuệ lìa tướng để khôi phục quang minh vốn có lìa cấu nhiễm thì gọi là “hiển minh thanh bạch”.

Sách Chân Giải nói: “Gột sạch cấu uế, hiển minh thanh bạch là thấm nhuần mưa đức”. Giống như trời mưa vậy, sau cơn mưa, cây cối nhà cửa v.v. đều sạch sẽ, hiển lộ bản thể thanh bạch. Làm thế nào để lột sạch? Chỉ có hiểu rõ bản tâm, thấy

được bỏ tánh của mình thì mới là “hiển minh thanh bạch”. Mọi người nên tin rằng: lời kinh Phật sâu xa. Có người thường dùng cách lý giải của mình để giảng giải kinh điển, không tham khảo chú giải của cổ đức, như vậy sẽ sinh ra sai lầm rất lớn.

Nói theo Thiên tông, “thoát hẳn căn trần” chính là “gột sạch cấu uế”. Khi khai ngộ thì vĩnh viễn vượt thoát sáu căn sáu trần. “Linh quang độc diệu” chính là “hiển minh thanh bạch”, ánh sáng này không phải là ánh sáng của thế gian, mà là ánh sáng linh minh không thể nghĩ bàn. “Độc” trong “độc diệu” chính là không hai, không đối lập với vạn pháp, không có mặt đối lập, hề có đối lập liền rơi vào mâu thuẫn. “Độc diệu” chính là “không làm bạn với vạn pháp”.

Nói theo Tịnh tông, “nhiếp trọn sáu căn” chính là “gột sạch cấu uế”; “tịnh niệm tiếp nối” chính là “hiển minh thanh bạch”. Một tiếng Phật hiệu một tiếng lòng, thủy giác hợp với bốn giác.

Trước “chuyên pháp luân” nêu ra: phá phiền não, trừ tham dục, gột cấu uế, hiển thanh bạch. Bốn câu này quả thật rất then chốt. Những đại Bồ-tát này đều trải qua những bước như vậy, do đó mới có thể “thường dùng pháp âm giác ngộ các thế gian”.

Những ai có ý muốn chuyên pháp luân thì phải lấy điều này làm phương châm. Hiện nay có một số người, bản thân vẫn còn đủ thứ phiền não, lại chưa thực sự minh tâm kiến tánh, song họ chỉ nghĩ đến tạo tiếng tăm, làm chuyên gia, làm bậc thầy Phật học, dưới tòa có bao nhiêu đệ tử, nhận mọi cung kính của người khác, những việc này đều là cấu uế. Phải lìa khỏi những cấu uế này, phát khởi tâm thật sự lợi tha. Bản thân chưa giác ngộ thì không thể khiến người khác tỉnh ngộ! Như vậy sẽ sinh ra các tà kiến, thậm chí các hiện tượng hủy báng kinh pháp. Nếu khẳng khái làm theo ý mình thì chẳng bằng người không tin Phật, bởi vì tội hủy báng kinh pháp là nghiêm trọng nhất, điểm này rất đáng để chúng ta suy nghĩ kỹ.

“Điều chúng sanh, tuyên diệu lý.”

“Điều” là điều hòa, “tuyên” là tuyên nói. “Diệu lý” là chỉ cho lý thể thật tướng, cũng chính là “tri kiến Phật” mà trong kinh Pháp Hoa nói, “tuyên diệu lý” là chỉ cho khai tri kiến Phật, chỉ bày tri kiến Phật. “Điều chúng sanh” chính là khiến tất cả chúng sanh ngộ tri kiến Phật, vào tri kiến Phật. Nếu chính mình không biết tri kiến Phật, như vậy rất khó hoằng pháp.

“Trữ công đức, làm phước điền.”

“Trữ công đức” chính là tích nhiều đức. Những đại Bồ-tát này có đủ mọi công đức, có thể làm phước điền cho chúng sanh, ruộng để trồng phước gọi là “phước điền”.

Tịnh Ảnh Sớ nói: công đức tích trữ hiện ra ngoài, tiếp nhận cúng dường của chúng sanh, để chúng sanh tạo phước thì gọi là “làm phước điền”.

Luận Câu-xá nói: phước điền có bốn hàm nghĩa:

1. Thù điền. “Thù” chính là súc sanh. Nước ngoài có nhiều hiệp hội bảo vệ động vật, yêu thương bảo hộ chúng sanh, chúng sanh hoan hỷ, chư Phật cũng hoan hỷ. Do đó phải làm nhiều công tác phóng sanh, hộ sanh.

2. Khổ điền. Cứu tế tất cả những người bần cùng khổ khổ. Họ cũng có thể làm phước điền cho chúng ta.

3. Ân điền. Chúng ta ở bên cạnh cha mẹ, sư trưởng hành hiếu đạo chính là trồng phước điền.

4. Đức điền. Tất cả thánh hiền của Đại thừa và Tiểu thừa đều là phước điền.

“Dùng các pháp dược, cứu chữa ba khổ.”

Chúng sanh có tám vạn bốn ngàn thứ bệnh, Phật có tám vạn bốn ngàn phương thuốc, tùy bệnh mà cho thuốc, “thuốc” là tỉ dụ cho diệu pháp của Như Lai, “bệnh” là tỉ dụ cho nỗi khổ của chúng sanh.

Kinh Niết-bàn nói: “Vì độ chúng sanh nên nói pháp dược vi diệu vô thượng”.

Về “ba khổ”, có hai cách nói:

1. “Ba khổ” là chỉ cho: khổ khổ, hoại khổ, hành khổ.

- Khổ khổ: việc này vốn là khổ.

- Hoại khổ: việc này vốn là vui, một khi bị phá hoại thì sẽ rất đau khổ.

- Hành khổ: vì mọi thứ đều biến đổi, chuyển hóa, không hề dừng lại nên sanh khổ não.

2. Đại sư Gia Tường nói: ba khổ chính là nỗi khổ sanh tử của chúng sanh trong tam giới.

Hai cách nói này đều đúng, song cách giải thích của đại sư Gia Tường rất khế hợp với tôn chỉ của Tịnh độ tông. Đặc điểm của Tịnh độ tông là khiến chúng sanh ngay nơi thân này thoát ly biển khổ sanh tử. Tu pháp môn khác thì phải đoạn hết kiến tư hoặc, đạt đến trình độ A-la-hán thì mới có thể ra khỏi tam giới. Hiện nay trên thế giới tìm một người chứng Sơ quả đã rất khó, huống là A-la-hán. Ai dám nói tham sân si mạn nghi của chính mình một chút cũng không có, như vậy mà muốn ra khỏi ba cõi thì không có hy vọng. Đoạn hết kiến tư hoặc là ra khỏi tam giới theo chiều dọc, chỉ có pháp môn Tịnh độ là rẽ ngang ra khỏi tam giới.

Điểm nổi bật nhất của Tịnh độ chính là: mang hoặc vãng sanh, mang nghiệp vãng sanh. Cho nên dùng diệu dược đề-hồ vô thượng “tín nguyện trì danh” để cứu khắp chúng sanh trầm luân trong biển khổ tam giới, đó gọi là “dùng các pháp dược cứu chữa ba khổ”.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Lên địa vị quán đảnh, thọ ký bồ-đề. Vì giáo hóa Bồ-tát nên làm a-xà-lê, thường tu tập vô biên các hạnh tương ưng, thành thực vô biên thiện căn cho hàng Bồ-tát. Vô lượng chư Phật đều cùng hộ niệm.

Sáu câu kinh văn của đoạn này là nói đến Mật pháp. “Mật” này là chỉ cho pháp môn huyền bí sâu xa, song không phải là bảo mật hay bí mật.

Hiển giáo và Mật tông hỗ trợ cho nhau, giống như tay người vậy, “Hiển” là mu bàn tay, “Mật” là lòng bàn tay, khi nắm tay lại thì không nhìn thấy lòng bàn tay. Trước mắt, một số tín đồ Phật giáo xem Hiển Mật đối lập với nhau, điều này rất phiến diện. Về Tịnh độ tông, Hạ Liên lão từng nói: Tịnh độ tông là để nói rõ về Mật giáo, cũng chính là nói, Tịnh độ tông chính là Mật pháp được tuyên nói một cách rõ ràng.

Yếu nghĩa của Mật tông là “như thật mà biết tâm mình”, chính là “khai hóa hiển thị bản bờ chân thật” trong phẩm này. “Bến bờ chân thật” chính là chân tâm diệu minh của mỗi một người.

“Dùng phương tiện làm cứu cánh” của Mật tông chính là tôn chỉ của kinh này, lấy diệu pháp phương tiện “tín nguyện trì danh” khiến khắp chúng sanh nhanh chóng ra khỏi biển khổ sanh tử, ban cho lợi ích chân thật.

Vạn đức hồng danh “A-di-đà Phật” mà Tịnh tông trì niệm chính là chân ngôn lưu hiện từ tâm thâm mật trang nghiêm của Mật tông. Đại Bồ-tát đến dự hội đều đã được quán đánh vô thượng, đều có thể dẫn dắt hành giả Đại thừa, có thể làm kim cang a-xà-lê. Đủ chứng minh thánh chúng trong hội đều là đại Bồ-tát Hiển Mật viên thông, cũng biểu thị hai tông Tịnh và Mật vốn là không hai.

“Lên địa vị quán đánh.”

Thời xưa ở Ấn Độ, khi quốc vương kế vị thì người quán đánh sẽ lấy nước bốn biển rưới lên đỉnh đầu quốc vương, đại biểu quốc vương sắp đăng cơ, trong Mật tông cũng như vậy. Nghi thức quán đánh nói đơn giản thì có hai loại:

1. Kết duyên quán đánh. Bạn đến cầu pháp, họ dẫn bạn vào trong đàn quán đánh, truyền cho bạn thủ ấn, chú ngữ của bốn tôn, từ đó về sau bạn có tư cách để tu tập pháp được truyền dạy. Trên rất nhiều bìa sách của Mật tông đều in rằng “chưa quán đánh, không được mở ra xem”. Bạn chưa được quán đánh từ nơi pháp này thì không được xem kinh điển và sách pháp, thật ra cũng không có gì bí mật không thể nói cho người biết, chỉ là thận trọng mà thôi.

2. Thọ chức quán đánh. Người tu hành như pháp, sau khi được quán đánh theo Mật tông, nghiêm trì giới luật, tinh tấn tu trì, tích công hạnh thâm sâu, trí tuệ khai mở, có thể trở thành thầy của người khác, có thể làm kim cang thượng sư. Vì vậy, làm pháp thọ chức quán đánh cho họ, tiếp nhận chức vị kim cang a-xà-lê thì mới là thượng sư như pháp. Hiện nay có rất nhiều người không như pháp, không được sự cho phép từ thượng sư của mình, tự làm theo ý mình truyền cho đệ tử.

Giữa thọ chức quán đánh và kết duyên quán đánh còn có bốn loại quán đánh: Một, bình quán; hai, mật quán; ba, tuệ quán; bốn, đại thủ ấn quán. Tiếp nhận bốn loại quán đánh này đều phải thọ giới của Mật tông. Có người không thọ giới liền tu pháp, thực sự muốn lên cao mà lại rơi xuống. Nếu bạn không thọ giới, bất kể bạn tu pháp gì đều không thể tương ứng. Quán đánh còn phân biệt giữa sơ vị và hậu vị, điều được nói ở trên là sơ vị, hiện tại thọ cúng dường của người, tương lai kế thừa địa vị Pháp vương.

Hậu vị không giống như vậy, trong Bí Tạng Ký nói: Bồ-tát từ Sơ địa đến Thập địa, cho đến Bồ-tát Đăng giác, đến khi chính thức sắp thành Phật thì chư Phật dùng

nước đại bi quán đánh cho người ấy, bản thân họ tự nhiên viên mãn chứng nhập Phật quả.

Hiện tại những Bồ-tát đến dự hội đa phần là từ quả hướng về nhân, là Phật thị hiện. Cho nên các ngài đều đã thọ qua quán đánh hậu vị, quán đánh để thành Phật. Còn Bồ-tát từ Sơ địa đến Đẳng giác cũng đều phải thọ quán đánh hậu vị. “Lên địa vị quán đánh” là chỉ hai loại Bồ-tát này đều phải thọ quán đánh hậu vị.

“Thọ ký bồ-đề.”

Phật đối với chúng sanh đã phát tâm đại bồ-đề, huyền ký cho họ tương lai chắc chắn thành Phật, gọi là “thọ ký”. Thọ ký chính là tuyên nói quả vị tương lai, để người tu hành biết được sự thù thắng và hiếm có của việc tu hành trên nhân địa, củng cố niềm tin và sự tu trì của họ, để họ biết được hiện nay đang trồng nhân bồ-đề, tương lai nhất định được quả bồ-đề.

Trong kinh Pháp Hoa nói: khi đó Phật thọ ký cho đại chúng dự hội, ngay cả Đề-bà-đạt-đa cũng được Phật thọ ký. “Thọ ký bồ-đề” biểu đạt rằng, những Đại sĩ trong hội đều đã được Phật thọ ký, đều sẽ được Phật quả. Đồng thời biểu thị những Bồ-tát này cũng thọ ký thành Phật cho chúng sanh, bởi vì các ngài có thể ở trong mười phương thế giới thị hiện thành Phật, thọ ký cho vô lượng chúng sanh.

“Vì giáo hóa Bồ-tát nên làm a-xà-lê.”

“A-xà-lê” dịch là “thầy mô phạm”, trong Mật tông gọi là “Kim cang a-xà-lê”. Bởi vì Kim cang tát-đỏa đại biểu cho a-xà-lê của Mật giáo. Kim cang tát-đỏa là Đại sĩ Phổ Hiền thị hiện, luôn làm sơ tổ của Mật-giáo. Vì những Đại sĩ này tuân theo đức của Phổ Hiền, ngài Phổ Hiền hóa thân thành Kim cang tát-đỏa, cho nên những thánh chúng này cũng vì dẫn dắt các Bồ-tát khác mà làm a-xà-lê.

“Thường tu tập vô biên các hạnh tương ưng.”

Đôi bên có thể khế hợp nhau thì gọi là “tương ưng”. Ví dụ nói, cảnh được quán tương ưng với trí tuệ thì gọi là “cảnh trí tương ưng”. Có thể hiểu “năm uẩn đều không” thì thuộc về trí tuệ. Quán cảnh trước mắt thành không, cảnh và trí là một thì chính là tương ưng; ngược lại, tuy bạn đã soi thấy tất cả đều không, nhưng nếu tiền thưởng ít một chút, liền lập tức không vui, chứng tỏ bạn đối với cảnh này chẳng hề “không” chút nào.

Đặc điểm của Mật tông là tam mật tương ưng, cho nên còn gọi là “Tương ưng tông”. Tu Mật sở dĩ có thể tức thân thành Phật là do có chỗ phương tiện đặc biệt, khiến cho ba nghiệp thân khẩu ý của chúng sanh phút chốc tương đồng với tam mật thân khẩu ý của Như Lai. Thân kết ấn, miệng trì tụng chân ngôn, tâm duyên theo lý bát-nhã. Người đồng thời tu tam mật như vậy vô cùng hiếm có. Tu theo một mật cũng được, cũng chính là đạo lý của Tịnh độ tông. Niệm một câu Phật hiệu chính là từ mật ngữ mà hạ thủ, cũng có thể tương ưng, cũng có thể tức thân thành Phật. Khi bạn thành Phật, hai mật còn lại tự nhiên cũng tương ưng.

“Thành thực vô biên thiện căn cho hàng Bồ-tát. Vô lượng chư Phật đều cùng hộ niệm.”

“Thiện căn” là chỉ cho thiện xuất phát từ ba nghiệp thân khẩu ý. Tất cả thiện này kiên cố chẳng thể lay động thì gọi là “căn”; còn một hàm nghĩa nữa là nó có thể sanh ra diệu quả. Từ nhân thiện đã tu lại có thể sanh ra các điều thiện khác, lại có thể kết thành diệu quả rất đẹp. Ví dụ như giới có thể sanh định, định có thể sanh tuệ, có phước thì có thể sanh ánh sáng bát-nhã. Bởi vì việc thiện này dẫn dắt việc thiện khác, có thể sanh ra thiện khác, lại có thể kết quả, cho nên gọi là “căn”. Thiện căn có ba nghĩa là: sâu chắc, sanh thiện và kết quả. Quả được kết ra, nên siêng năng chăm bón, khiến chúng chín muồi thì mới viên mãn.

“Đều cùng hộ niệm” cũng chính là bảo hộ và nghĩ tới. Thánh chúng trong hội đều giúp vô lượng Bồ-tát mười phương thành thực vô lượng vô biên thiện căn. Những thánh chúng này cũng được sự hộ niệm của chư Phật mười phương, giúp các ngài tu theo đức của Đại sĩ Phổ Hiền. Tịnh Ảnh Sớ nói: hộ niệm là khiến mọi người xa lìa việc ác, việc thiện tự nhiên tăng trưởng. Trong kinh nói: người chứng Tam quả đi cước đất, giun đất tự động cách xa lười cước 30cm, đây chính là kết quả của sự hộ niệm.

*Hữu tình và vô tình, vạn vật có tánh linh
Đều cùng chung một thể, tôi và bạn ở trong.*

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật.